

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HS-ST
Ngày 27-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Sua và Lò Thị Dậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hữu Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lương Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2026/TLST-HS ngày 14/5/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2026/QĐXXST-HS ngày 15/5/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ngô Duy T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Số CCCD: 036092012284 cấp ngày 01/5/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Ngô Duy L - Sinh năm 1965 và bà Hoàng Thị D - Sinh năm 1970; Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị G - Sinh năm 1997 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 01 ngày 02/3/2021 của Công an xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (cũ), xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã xóa tiền sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vũ Viết T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B Y, xã H, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 036081004749 cấp ngày 22/12/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Vũ Thanh S (đã chết) và bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1955; Gia đình bị cáo có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Lại Thị Cúc - Sinh năm 1982; Con: Bị cáo có 02

con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án: Không, Tiền sự: Không; Nhân thân: tại Bản án số 99 ngày 08/7/2010 của Toà án nhân dân thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (cũ) xử phạt 6 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 03/8/2010 và chấp hành xong án phí vào ngày 04/11/2010, đã được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Thôn B Y, xã H, tỉnh Ninh Bình cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hoàng Văn T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1980 tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Số CCCD: 036080022102 cấp ngày 02/7/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Hoàng Văn T3 (đã chết) và bà Trần Thị N - Sinh năm 1945; Gia đình bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Lê Thị H - Sinh năm 1984; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Thôn A Y, xã H, tỉnh Ninh Bình cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Bạc Cầm T - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1999 tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011099004020 cấp ngày 13/8/2024; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bạc Cầm N1 (đã chết) và bà Quàng Thị P - Sinh năm 1977; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Lò Thị L1 - Sinh năm 1998; Con: Bị cáo có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Quàng Văn P - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1996, tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011096004540 cấp ngày 11/8/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Quàng Văn T4 - Sinh năm 1976 và bà Lò Thị N2 - sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Lường Văn T - Tên gọi khác: Lường Văn T6; Giới tính: Nam; Sinh năm 1979 tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản

C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011079000276, cấp ngày 30/3/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Đảng viên Đ, đến ngày 04/3/2026 thì bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 17 ngày 12/3/2026 của Đảng ủy xã T, tỉnh Điện Biên; Con ông Lường Văn T7 - sinh năm 1956 và bà Lò Thị L2 (đã chết); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Lò Thị A - sinh năm 1981; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Lò Văn N** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988 tại tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản Sảo, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011088008120 cấp ngày 17/12/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Lò Văn G1 (đã chết) và Quảng Thị M1 (đã chết); Gia đình bị cáo có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ chín trong gia đình; Vợ: Cà Thị N4, sinh năm 1989; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản S, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Bạc Cầm H** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988 tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011088006716; Cấp ngày 14/02/2022; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Bạc Cầm P2 (đã chết) và bà Lường Thị N5 - sinh năm 1947; Gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Vợ: Lò Thị M2 - Sinh năm 1988; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: **Lò Văn D** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011089000699 cấp ngày 11/4/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lò Văn Í - sinh năm 1950 và bà Quảng Thị Y - sinh năm 1960; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: Quảng Thị T8 - sinh năm 1997; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Lường Văn B** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 011081004108 cấp ngày 27/6/2021; Nơi cấp: Cục C1 Bộ C2; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lường Văn B1 (đã chết) và bà Bạc Thị T9 - sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Lò Thị T10 - Sinh năm 1984; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị Tòa án nào xét xử, chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026 thì được hủy bỏ tạm giữ. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2026 tại Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết xã hội nên chiều ngày 25/02/2026, Ngô Duy T, Hoàng Văn T, Vũ Viết T đi xe khách đến thăm Bạc Cẩm T, Quảng Văn P, Lò Văn N3, Bạc C, Lường Văn B ở xã T, tỉnh Điện Biên. Khoảng 12 giờ ngày 26/02/2026, T12 làm cơm ăn trưa tại nhà ở bản C, xã T, tỉnh Điện Biên, trong đó có T, T1, T2, T12, P1, N3, H1, B, Lò Văn D1 và Lường Văn T5 tham gia. Đến khoảng 12 giờ 50 cùng ngày ăn cơm xong, T12, D1, T6, P1, B, T2, T1 đi chơi ở nhà hàng xóm, chỉ còn lại T, N3 và H1 ngồi lại. Thường rủ chơi đánh bài ăn tiền, N3 và H1 đồng ý. Niệm nhờ 01 cháu bé đi mua một bộ bài tú lơ khơ, sau đó 3 người chơi đánh bạc bằng hình thức 3 cây ăn tiền. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T12 quay về nhà ngồi chơi cùng. Sau đó, lần lượt là T2, T1, P1, D1, B và T5 quay lại nhà T12 và tất cả cùng ngồi đánh bài với hình thức 3 cây.

Cả nhóm sử dụng 36 lá bài từ quân A đến quân 9 (Bỏ các lá 10, J, Q, K ra khỏi bộ bài), người cầm chương (Cầm cái) sẽ chia bài cho mỗi người chơi là 03 lá bài sau đó cộng điểm rồi so điểm với người cầm chương, ai lớn điểm hơn người cầm chương sẽ thắng và được số tiền cá với người cầm chương, nếu người nào ít điểm hơn người cầm chương sẽ mất tiền với người cầm chương. Điểm của người chơi trong mỗi ván là số lẻ của tổng điểm ba lá bài, điểm sẽ được tính tròn tương ứng là từ 1 đến 10 (điểm tròn nghĩa là nếu 20 điểm sẽ tính là 10 điểm, nếu tổng điểm của 3 lá bài lớn hơn 10), 10 điểm là lớn nhất, khi có nhiều người bằng điểm nhau thì sẽ so chất của các lá bài theo thứ tự rô, cơ, tép, bích. Mỗi ván người chơi sẽ cá cược 10.000đ (Mười nghìn đồng) tối đa là 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) với người cầm chương. Sau mỗi ván chơi, ai được 10 điểm thì sẽ là người cầm chương cho ván tiếp theo.

Thường, N3, H1, T12, T2, T1, P1, D1, B và T5 cùng nhau đánh hết ván này sang ván khác. Đến 16 giờ 10 phút cùng ngày, khi các bị can đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền

8.760.000 đồng, 36 quân bài tứ lơ khơ. Ngoài ra còn thu giữ trên người Bạc Cầm Hồng 920.000 đồng, trên người Lương Văn T5 250.000 đồng và 200.000 đồng của Ngô Duy T giấu dưới chiếu, đều là tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị can đánh bạc là 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 01/04/2026 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 2152/QĐ-CSHS để trưng cầu giám định tiền đối với số tiền 8.760.000 đồng (Tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc; số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm giữ trên người bị can Lương Văn T5; số tiền 250.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tạm giữ dưới chiếu của bị can Ngô Duy T; số tiền 920.000 đồng (Chín trăm hai mươi nghìn đồng) tạm giữ trên người bị can Bạc Cầm H1.

Tại bản kết luận giám định số 382/KT-KTHS ngày 09/04/2026 kết luận: Số tiền vật chứng 8.760.000 đồng, số tiền 200.000 đồng, số tiền 250.000 đồng, số tiền 920.000 đồng gửi giám định là tiền thật.

Vật chứng thu giữ gồm: Tiền Ngân hàng N6 đang lưu hành 8.760.000 đồng (Tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 45 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 48 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 37 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng, 22 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 250.000 đồng thu dưới mặt chiếu; 200.000 đồng thu giữ trên người Lương Văn T11 và 920.000 đồng thu giữ trên người Bạc Cầm Hồng; 01 (một) bộ bài tứ lơ khơ gồm 36 quân bài, một mặt có in hoa văn màu xanh- trắng, mặt còn lại có in các chữ và số từ A đến 9 gồm các chất rô, cơ, tép, bích thu giữ trên chiếu bạc và 11 chiếc điện thoại di động.

Cáo trạng số 35/CT-VKS-P2 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Bạc Cầm T12, Quảng Văn P1, Bạc C, Lương Văn T5, Lương Văn B, Lò Văn D1, Ngô Duy T, Vũ Viết T1, Hoàng Văn T2, Lò Văn N3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Bạc Cầm T12, Quảng Văn P1, Bạc C, Lương Văn T5, Lương Văn B, Lò Văn D1, Ngô Duy T, Vũ Viết T1, Hoàng Văn T2, Lò Văn N3 phạm tội “Đánh bạc”

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Bạc Cầm T** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Quảng Văn P** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

3. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bạc Cầm H từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

4. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lường Văn T** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lường Văn B** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

6. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Văn D** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

7. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Ngô Duy T** từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

8. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lò Văn N** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

9. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

10. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Vũ Viết T** từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười năm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Vũ Viết T1 cho UBND xã H, tỉnh Ninh Bình và gia đình quản lý giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 125 BLTTHS hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bạc Cầm T, Quảng Văn P1, Bạc C, Lường Văn T5, Lường Văn B, Lò Văn D1, Ngô Duy T, Vũ Viết T1, Hoàng Văn T2, Lò Văn N3.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền số tiền: 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng để đánh bạc gồm: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài, một mặt có in hoa văn màu xanh - trắng, mặt còn lại có in các chữ và số từ A đến 9 gồm các chất rô, cơ, tép, bích thu giữ trên chiếu bạc.

Về án phí: Buộc các bị cáo Bạc Cầm T12, Quảng Văn P1, Bạc C, Lường Văn T5, Lường Văn B, Lò Văn D1, Ngô Duy T, Vũ Việt T1, Hoàng Văn T2, Lò Văn N3 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh cũng như về hình phạt. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và luận tội của kiểm sát viên, lời khai của các Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt quả tang các bị cáo đánh bạc, kết quả thu giữ tiền dùng để đánh bạc, thu dụng cụ dùng để đánh bạc gồm: 01 bộ tú lơ khơ, phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận giám định số tiền thu giữ quả tang là tiền thật và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Hồi 16 giờ 10 phút ngày 26/02/2026, tại nhà Bạc C (bản C, xã T, tỉnh Điện Biên), các bị cáo: B, Quảng Văn P1, Bạc C, Lường Văn T, Lường Văn B, Lò Văn D, Ngô Duy T, Vũ Việt T1, Hoàng Văn T và Lò Văn N đã bị lực lượng Công an bắt quả tang khi đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức "ba cây", với tổng số tiền là 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền mà các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc khi bị bắt là 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Do đó hành vi của các bị cáo: Bạc Cầm T, Quảng Văn P, Bạc C, Lường Văn T, Lường Văn B, Lò Văn D, Ngô Duy T, Vũ Việt T, Hoàng Văn T, Lò Văn N đã phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321. Tội đánh bạc qui định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành

vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng

Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều có vai trò là người thực hành, trong đó Ngô Duy T là người khởi xướng. Tất cả các bị cáo đều là người thực hành. Các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước mà tự phát, cùng nhau gia đánh bạc, với mục đích để thắng được tiền của những người cùng chơi, các Bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm giản đơn; số tiền tham gia đánh bạc bị thu giữ là 10.130.000 đồng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã làm rõ được mỗi bị cáo sử dụng bao nhiêu tiền để đánh bạc, nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xác định các bị cáo có vai trò ngang nhau trong tội "Đánh bạc".

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức và biết được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đánh bạc không những nguy hiểm cho xã hội mà còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đến việc xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh tại địa phương.

- Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Vũ Viết T: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình giải quyết vụ án đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Dù từng bị xử phạt 6 tháng tù về tội "Mua bán hàng cấm" vào 2010 (đã được xóa án tích), nhưng từ đó đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật và các quy định tại địa phương, tích cực tham gia hoạt động nơi cư trú.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tuy bị cáo có nhân thân xấu nhưng HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục, răn đe.

Đối với các bị cáo Bạc Cầm T, Quảng Văn P1, Bạc C H, Lương Văn T, Lương Văn B, Lò Văn D, Ngô Duy T, Hoàng Văn T, Lò Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định

tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo T5 và bị cáo B được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do: bị cáo T5 có thành tích trong học tập, công tác được UBND huyện T (cũ) tặng nhiều giấy khen; bị cáo B có ông nội (Lường Văn C) và bà nội (Quảng Thị Y1) được tặng thưởng huy, Huy chương kháng chiến.

Xét các bị cáo đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, đã nhận thức được sai phạm; số tiền mang theo đánh bạc không lớn và chưa được hưởng lợi. HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục, răn đe và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án này, để cá thể hóa hình phạt, HĐXX áp dụng mức phạt tiền đối với bị cáo T và bị cáo T cao hơn các đồng phạm còn lại. Cụ thể: Bị cáo Ngô Duy T có vai trò khởi xướng, là nguyên nhân gốc rễ phát sinh tội phạm. Bị cáo Lường Văn T tuy chỉ là người thực hành nhưng có nhân thân là Đảng viên, Bí thư Chi bộ; việc bị cáo không gương mẫu chấp hành pháp luật đòi hỏi phải chịu mức án nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại biên bản xác minh nguồn thu nhập của cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo Vũ Viết T tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 32 Bộ luật hình sự, do hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Bạc Cầm T, Quảng Văn P, Bạc C, Lường Văn T, Lường Văn B, Lò Văn D, Ngô Duy T, Hoàng Văn T, Lò Văn N.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với bị cáo Bạc Cầm T: Quá trình điều tra xác định: Sau khi T12 đi chúc Tết về nhà thì đã thấy các bị cáo Bạc C H, Ngô Duy T, Lò Văn N đã ngồi đánh bạc ở phòng khách trên nhà sàn của T, không ai xin phép hay hỏi mượn địa điểm để đánh bạc, cũng không ai phải nộp tiền cho bị cáo T để được ngồi đánh bạc tại nhà; Đối với chị Lò Thị M (vợ bị cáo Bạc Cầm T): Quá trình các bị cáo đánh bạc tại nhà, chị M2 không có mặt và không biết việc này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý về hành vi Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc đối với T và M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với 11 chiếc điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo Lường Văn T5, Bạc Cầm T, Bạc C, Lò Văn D, Lò Văn N, Lường Văn B, Quảng Văn P, Vũ Viết T, Hoàng Văn T, Ngô Duy T: Kết quả điều tra xác định các bị cáo không sử dụng số điện thoại này vào việc đánh bạc. Ngày 17/4/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản cho các bị cáo. Xét việc xử lý của Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng vụ án:

Số tiền 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo điểm b

khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài, một mặt có in hoa văn màu xanh- trắng, mặt còn lại có in các chữ và số từ A đến 9 gồm các chất rô, cơ, tép, bích là công cụ phạm tội và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025), điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lương Văn T, Bạc Cầm T, Bạc C, Lò Văn D, Lò Văn N, Lương Văn B, Quảng Văn P1, Vũ Viết T, Hoàng Văn T, Ngô Duy T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Kiểm sát viên đề nghị: Xét mức hình phạt và các đề nghị khác Kiểm sát viên đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025):

1. Tuyên bố: Các bị cáo: Lương Văn T, Bạc Cầm T, Bạc C, Lò Văn D, Lò Văn N, Lương Văn B, Quảng Văn P, Vũ Viết T, Hoàng Văn T, Ngô Duy T phạm tội "**Đánh bạc**".

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Duy T: 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

2.2. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.3. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bạc Cầm T12: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.4. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bạc Cầm H: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn D: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.6. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn N: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.7. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn B: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.8. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quảng Văn P: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

2.9. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T: 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 1 điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo.

2.10. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Vũ Viết T** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo được trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 27/02/2026 đến ngày 04/03/2026) quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đ được quyết định thi hành án hình sự và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 10.130.000 đồng (Mười triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân bài, một mặt có in hoa văn màu xanh- trắng, mặt còn lại có in các chữ và số từ A đến 9 gồm các chất rô, cơ, tép, bích.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT và Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lương Văn T, Bạc Cầm T, Bạc C, Lò Văn D, Lò Văn N, Lương Văn B, Quảng Văn P, Vũ Viết T, Hoàng Văn T, Ngô Duy T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh ĐB;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh ĐB;
- Phân trại tạm giam khu vực Tuần Giáo, tỉnh ĐB;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lò Thị Dậu

Sùng Thị Sua

Bùi Thanh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh DB;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh DB;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh DB;
- Phân trại tạm giam khu vực Tuần Giáo, tỉnh DB;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Tuấn

